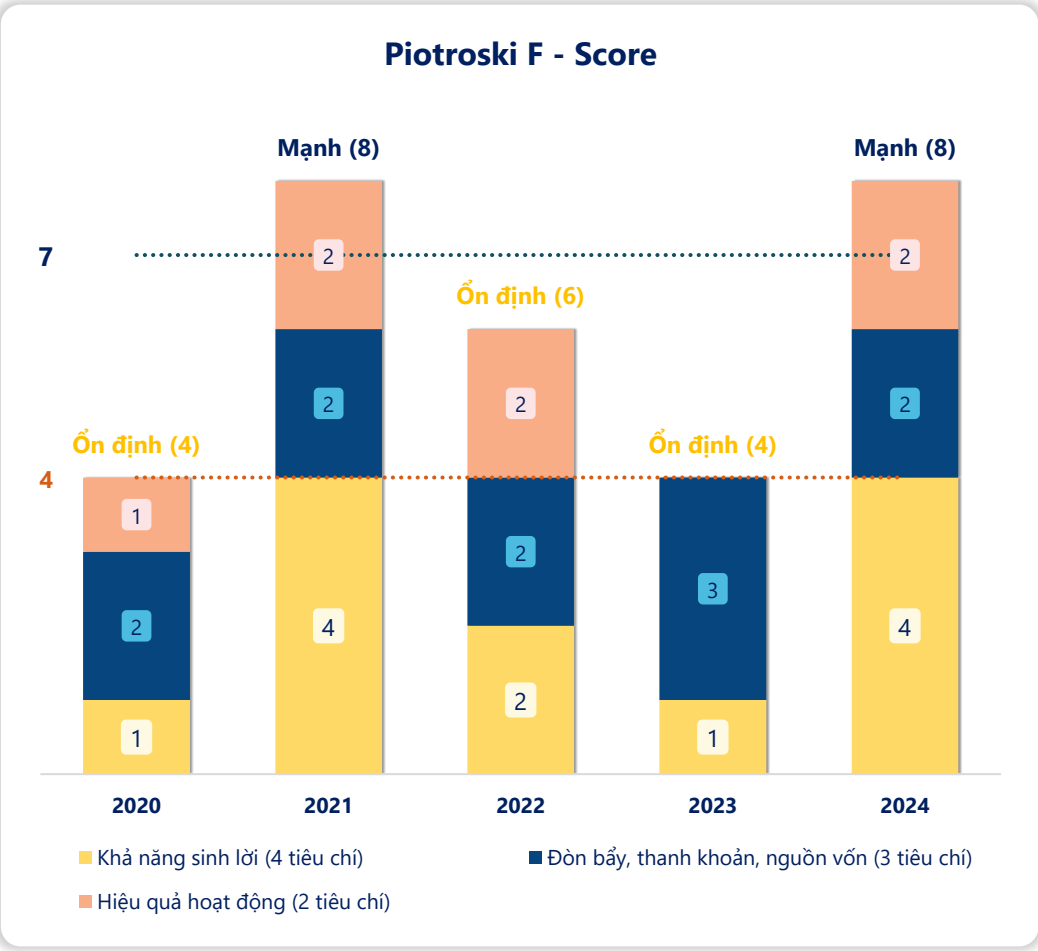
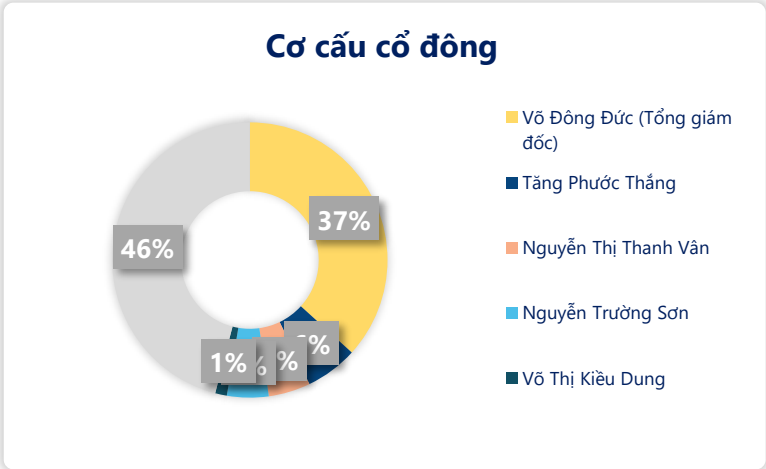
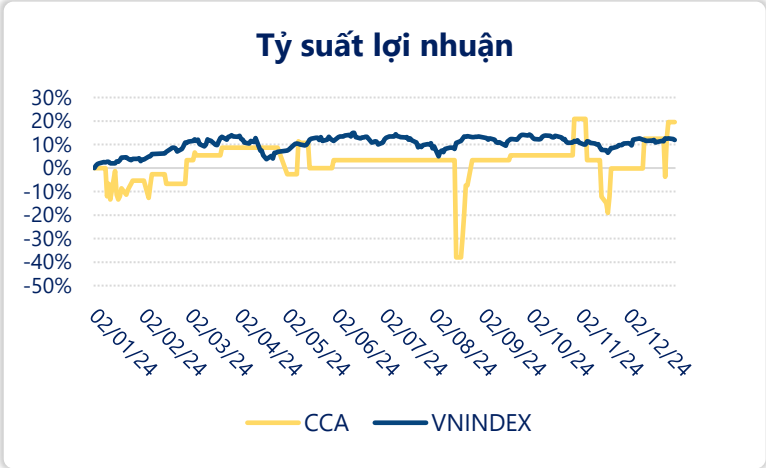


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	17,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	19.7%	13.3%	15.6%

Sức mạnh tài chính	2024	2024	2024
Piotroski F - Score	8/9	DT thuần	LN sau thuế
2024	(Mạnh)	1,298	9.36
		tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
		YoY	YoY
		▲ 61.0	▲ 5.65
		▲ 5.0%	▲ 152%

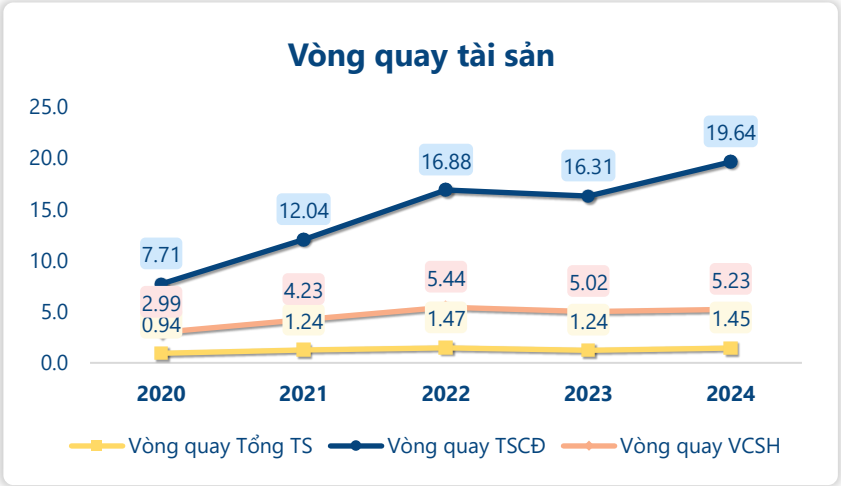
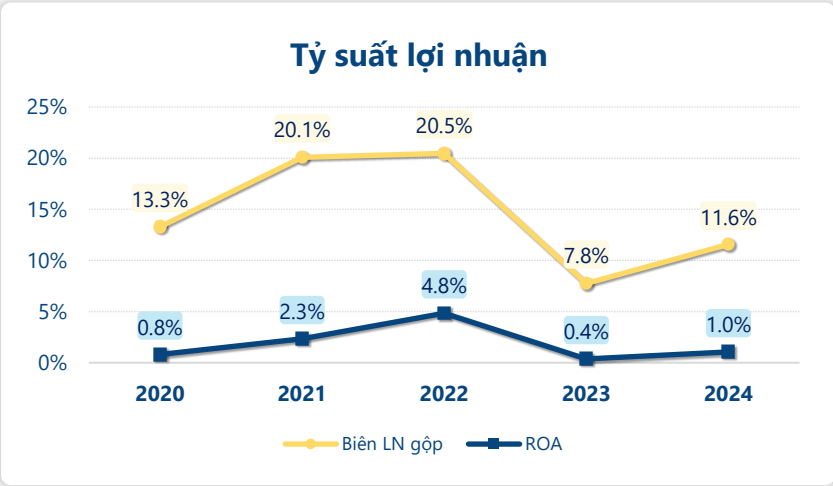
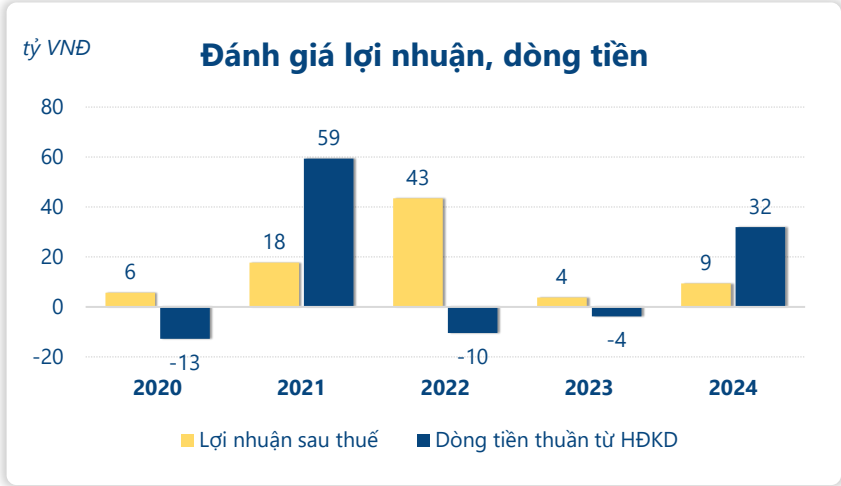


Năm 2024, F-Score của **CCA** đạt **8/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, đạt mức "**Mạnh**".

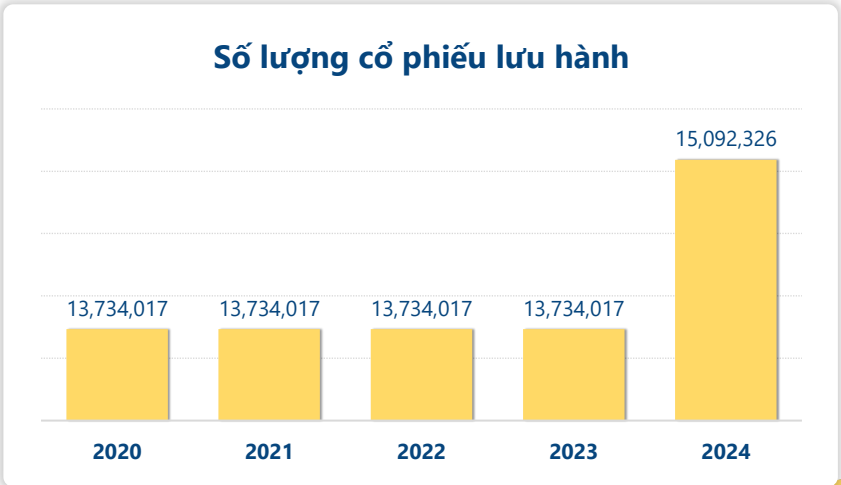
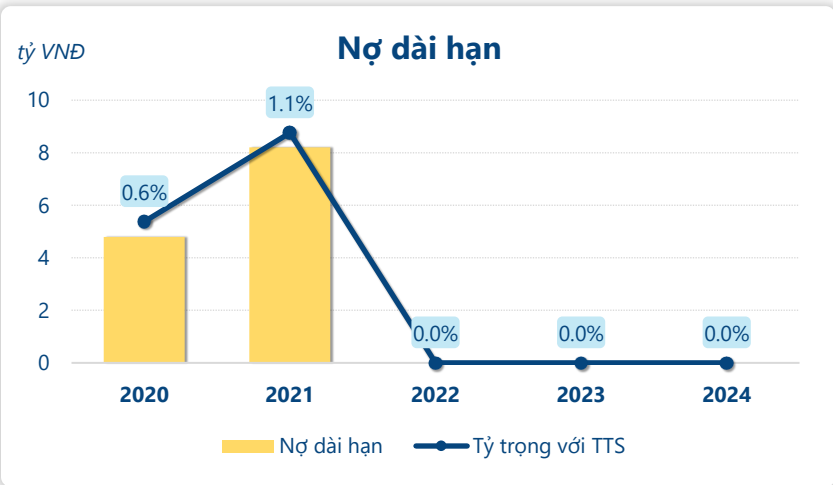
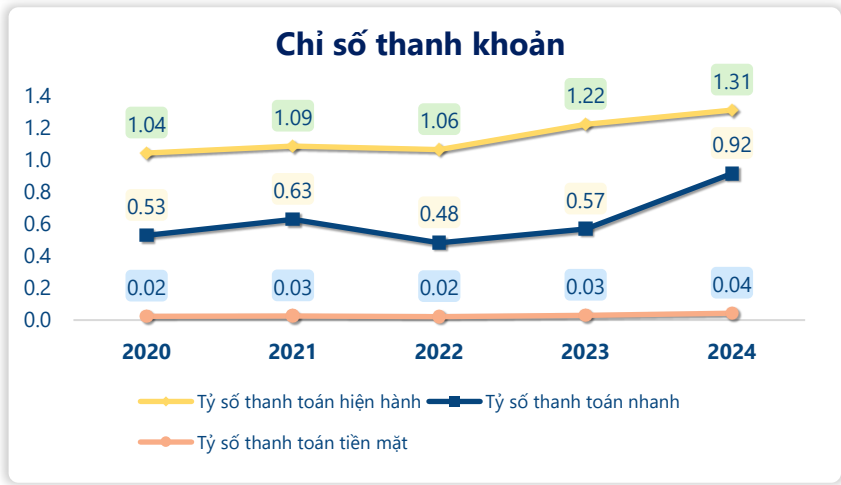
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **2/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CCA**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	807	984	-18.1%
Tài sản ngắn hạn	721	909	-20.6%
Tiền và tương đương tiền	23.6	22.3	5.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	359	277	29.3%
Hàng tồn kho	218	486	-55.2%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	24.3	-6.7%
Tài sản dài hạn	85.1	75.6	12.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	62.1	70.5	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.63	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.95	4.53	-35.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	550	743	-25.9%
Nợ ngắn hạn	550	743	-25.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	397	414	-4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.4	181	-74.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	256	241	6.2%
Vốn chủ sở hữu	256	241	6.2%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	653	947	1,315	1,237	1,298
Giá vốn hàng bán	566	757	1,046	1,141	1,148
Lợi nhuận gộp	86.9	190	269	96.0	150
Doanh thu HĐTC	1.68	4.83	22.8	16.2	16.3
Chi phí TC	19.7	22.6	29.5	32.1	22.3
Chi phí lãi vay	19.2	20.2	18.6	29.6	22.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	55.2	135	172	69.8	129
Chi phí QLDN	6.34	15.5	33.0	6.12	5.37
LN thuần từ HĐKD	7.25	22.2	57.1	4.20	9.57
Lợi nhuận khác	-0.11	-0.01	-0.21	0.41	1.74
LN trước thuế	7.14	22.2	56.9	4.62	11.3
Lợi nhuận sau thuế	5.66	17.8	43.4	3.71	9.36
LNST của CĐ cty mẹ	5.66	17.8	43.4	3.71	9.36

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.8	59.4	-10.5	-3.73	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.3	-21.7	-81.8	-8.85	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	37.7	-36.7	93.3	19.7	-14.3
Tiền đầu kỳ	17.1	12.9	14.2	16.4	22.3
Lưu chuyển tiền thuần	-4.40	0.99	1.05	7.14	0.83
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	0.32	1.14	-1.22	0.48
Tiền cuối kỳ	12.9	14.2	16.4	22.3	23.6